TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **771**/2022/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 18 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 630/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa các đương sự sau:

Người yêu cầu: Ông **Mai Chí D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 21/8 đường S, Phường X, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 21/8 đường S, Phường X, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số 1/04 ngày 01/9/2004 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, ông Mai Chí D và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Chí D và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Mai Nguyễn Phúc M (nam), sinh ngày 17/05/2005 và Mai Nguyễn Phúc B (nam), sinh ngày 17/02/2012. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao trẻ Mai Nguyễn Phúc M (nam) cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Mai Nguyễn Phúc B (nam) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi trẻ Phúc B mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng cho đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/9/2022. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Về nợ chung: Ông D và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Mai Chí D và bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Mai Chí D và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Chí D và Bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông D và bà T thỏa thuận giao trẻ Mai Nguyễn Phúc M (nam), sinh ngày 17/05/2005 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Mai Nguyễn Phúc B (nam), sinh ngày 17/02/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi trẻ Phúc B mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng cho đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/9/2022. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông D chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Ông D và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Mai Chí D và bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Mai Chí D và bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0031638 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND Phường 4, quận Tân Bình, TP.HCM (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số 1/04 ngày 01/9/2004).
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Hiếu Thuận